

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671004 - Hóa học đại cương
Lớp :

STC : 3(45,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Hồ Anh	Quốc	3575031683	02/01/1993	,00			Nợ HP
2	Nguyễn Thế	Vũ	3671030607	11/07/1994	,00			
3	Lê Phú Trường	Ân	3772050873	17/11/1995	4,00	,00	1,20	
4	Bùi Văn	Cường	3772050978	10/05/1995	4,00	1,00	1,90	
5	Trần Minh	Thanh	3772050980	26/12/1995	6,00	,00	1,80	
6	Lê Tiến	Vũ	3772050987	12/10/1995	4,00	,00	1,20	
7	Huỳnh Thanh	Nguyên	3772050998	15/03/1995	7,00	,30	2,30	
8	Trần Thành	Hiển	3772051010	13/05/1995	2,00	,00	,60	
9	Nguyễn Quang	Linh	3772051012	19/11/1993	7,00	,80	2,70	
10	Phan Quốc	Vũ	3772051015	24/07/1995	,00	,50	,40	
11	Nguyễn Đình	Kim	3772051020	20/05/1994	7,50	4,00	5,10	
12	Nguyễn Minh	Thuận	3772051027	23/09/1995	5,00	2,00	2,90	
13	Nguyễn Ngọc	Trung	3772051032	12/04/1995	2,00	,00	,60	
14	Lê Cát	Tường	3772051037	10/10/1995	10,00	3,30	5,30	
15	Đỗ Cao	Trí	3772051043	30/07/1995	9,50	4,50	6,00	
16	Lê Thành	Trung	3772051047	21/01/1994	4,00	3,00	3,30	
17	Đỗ Thành	Thy	3772051048	14/10/1995	6,00	4,80	5,20	
18	Nguyễn Hoàng	Huy	3772051053	21/10/1995	,00			CT
19	Huỳnh Nhật	Minh	3772051054	23/12/1994	,00			CT
20	Nguyễn Tiến	Nhật	3772051058	24/10/1995	,00			CT
21	Nguyễn Văn	Hương	3772051061	29/08/1995	3,50			
22	Trần Huy	Hồng	3772051064	16/12/1995	3,00	1,00	1,60	
23	Đặng Nguyễn Quốc	Quang	3772051071	28/04/1995	8,00	2,50	4,20	
24	Lê Văn	Cảnh	3772051075	07/11/1995	10,00	4,00	5,80	
25	Phạm Quang	Hải	3772051077	25/12/1995	5,00	2,80	3,50	
26	Nguyễn Tấn	Tài	3772051081	02/07/1995	,00			
27	Lại Văn	Trí	3772051082	20/10/1995	5,00	,50	1,90	
28	Nguyễn Thành	Tâm	3772051084	10/02/1995	4,00	1,50	2,30	
29	Bùi Văn	Quỳnh	3772051088	10/02/1994	,00			
30	Võ Công	Thọ	3772051092	26/03/1995	9,50	3,00	5,00	
31	Vũ Hoài	Nam	3772051094	31/10/1994	5,00	2,00	2,90	
32	Bùi Nhật	Linh	3772051095	08/10/1995	8,50	1,80	3,80	
33	Nguyễn Văn	Nghiệp	3772051101	14/11/1995	5,00	3,50	4,00	
34	Phạm Trần Công	Phú	3772051103	19/07/1995	4,00	1,50	2,30	
35	Son Anh	Khoa	3772051107	30/11/1995	6,00	,00	1,80	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Quách Thuận	Cảnh	3772051108	23/02/1995	9,00	1,00	3,40	
37	Trần Thanh	Minh	3772051111	20/11/1995	5,00	,80	2,10	
38	Nguyễn Anh	Ninh	3772051118	09/04/1995	3,00	,50	1,30	
39	Trần Văn	Trí	3772051119	23/05/1995	7,00	5,50	6,00	
40	Đặng Thế	Trí	3772051132	20/02/1994	4,00	,00	1,20	
41	Trần Đức	Nhật	3772051166	10/02/1995	2,00	,50	1,00	
42	Lê Đình	Quyền	3772051170	15/02/1995	8,00	4,30	5,40	
43	Hà Quang	Chiến	3772051186	08/05/1995	3,00	,00	,90	
44	Phạm Trung	Cang	3772051187	25/09/1995	9,00	7,80	8,20	
45	Nguyễn Văn	Hùng	3772051192	20/08/1995	,00			CT
46	Võ Thành	Lợi	3772051197	04/09/1995	,00			CT
47	Phạm Quốc	Huy	3772051199	16/09/1994	,00			CT
48	Trang Đoàn Đình	Thiện	3772051209	11/07/1995	,00			
49	Đặng Quốc	Quý	3772051210	27/08/1994	9,00	3,00	4,80	
50	Phạm Văn	Thuận	3772051231	15/09/1995	,00			
51	Nguyễn Tấn	Son	3772051278	26/06/1995	6,00	,00	1,80	
52	Phạm Hữu	Tuân	3772051293	25/06/1995	,00			
53	Nguyễn Hùng	Anh	3772051306	23/02/1993	8,00	1,50	3,50	
54	Hoàng Đại Gia	Long	3772051312	13/08/1995	6,00	1,30	2,70	
55	Đoàn Thanh	Huy	3772051321	07/08/1995	,00			
56	Lê Thanh	Nhạc	3772051340	28/10/1995	,00	3,30	2,30	
57	Nguyễn Nam	Trung	3772051349	05/02/1995	,00	,00	,00	
58	Huỳnh Huy	Hoàng	3772051350	27/04/1994	,00	,80	,60	
59	Nguyễn Quốc	Dũng	3772051398	10/09/1995	,00	4,80	3,40	
60	Trần Trí	Nghĩa	3772051409	20/01/1995	,00	1,80	1,30	